TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.
2. Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/8/2023 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2023/TLST – HNGĐ ngày 20/4/2023 về "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST– HNGĐ ngày 19/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2023/QĐST – HNGĐ ngày 07/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ thường trú: Thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Địa chỉ tạm trú: Tổ I, Ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Đình Thanh T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ I, Ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Chị T có đơn xin vắng mặt; anh T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 kết hôn với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T1 ngoại tình. Mặc dù hai vợ chồng đã hòa giải, gia đình hai bên cố gắng can thiệp nhưng không thành. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Hoàng Như Bảo Y, sinh năm 2012; Hoàng Đình Bảo N, sinh năm 2018. Chị xin nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Đình Thanh T1 vắng mặt nên không có lời khai.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T1 được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Hoàng Như Bảo Y, sinh năm 2012; Hoàng Đình Bảo N, sinh năm 2018. Đề nghị giao cả 02 cháu cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hoàng Đình Thanh T1 hiện đang cư trú tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị T khởi kiện xin được ly hôn và giải quyết vấn đề con chung. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là "Tranh chấp ly hôn, con chung".

- Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt khi xét xử; anh Hoàng Đình Thanh T1 là bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Long Thành triệu tập xét xử đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Long

Thành vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Đình Thanh T1 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk nên được coi là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo chị T, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T2 ngoại tình, mặc dù cố gắng hòa giải nhưng chị không kìm chế được bức xúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xác minh tại địa phương thì UBND xã A không biết tình trạng mâu thuẫn do đương sự không trình báo. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã nhiều lần triệu tập anh T1 đến làm việc, làm rõ nội dung vụ án nhưng anh T1 cố tình vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ anh T1 cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình nữa, nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T1.

Về con chung: có 02 con chung tên Hoàng Như Bảo Y, sinh năm 2012; Hoàng Đình Bảo N, sinh năm 2018. Ly hôn, chị T xin nuôi cả 02 cháu, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tham khảo ý kiến của cháu Y thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặc dù Tòa án đã triệu tập anh T1 tới làm việc, hòa giải và xét xử nhưng anh T1 cố tình vắng mặt. Do đó, giao cả 02 cháu Y, Nam cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp, tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến trình bày của anh T1 nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí HNGĐ - ST: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 203, 220, 235, 264, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Đình Thanh T1.

Về con chung: có 02 con chung tên Hoàng Như Bảo Y, sinh năm 2012; Hoàng Đình Bảo N, sinh năm 2018.

Giao cháu Y, N cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0009340 ngày 19/4/2023.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung